

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/DS-PT

Ngày 22 - 01 - 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Sâm

Các Thẩm phán: Ông Đinh Huy Lưỡng

Ông Nguyễn Tử Lượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Thanh Mơ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2023/TLPT- DS ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 37/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng VN; Địa chỉ: Số 2, LH, BD, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Phan Thị Thu H - Giám đốc, phòng giao dịch TS - Ngân hàng VN, Chi nhánh TPTĐ, tỉnh Ninh Bình; là người đại diện theo ủy quyền lại (văn bản ủy quyền số 01/GUQ-NHNo.TĐ-TH ngày 08/5/2023). (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn M, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; Cùng địa chỉ: thôn 3, xã PL, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Trung K - Luật sư, Văn phòng luật sư TS, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Ninh Bình; Địa chỉ: số nhà 234, đường LVT, phố 3, phường DT, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. (có mặt).

3. Người kháng cáo: bị đơn ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Năm 2016 gia đình ông Phạm Văn M có nhu cầu vay vốn để làm ăn, vì vậy ông M đã ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng VN, Chi nhánh TPTĐ - Ninh Bình (sau đây gọi tắt là Agribank Tam Điệp). Cụ thể:

Ngày 08/12/2016, ông Phạm Văn M và Agribank Tam Điệp đã ký Hợp đồng tín dụng số 3304-LAV-201601667 ngày 08/12/2016 và các Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 07/12/2017 và số 02/PLHĐ ngày 15/12/2017 với nội dung: Ngân hàng cho ông Phạm Văn M vay số tiền gốc là 1.700.000.000.000 đồng (một tỷ, bảy trăm triệu đồng), lãi suất 10,5%/năm, sau đó lãi được điều chỉnh xuống 7%/năm, thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày 08/12/2016 mục đích vay là để ông M mua máy ủi, máy xúc.

Để đảm bảo khoản vay, gia đình ông M và bà H (vợ ông M) đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 3304-LCL-201500976 ngày 09/12/2015 với Agribank Tam Điệp. Tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất diện tích 2,430 m² tại thửa số 130, tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã PL, huyện Nho Quan. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W542555 do Ủy ban nhân dân huyện Nho Quan cấp ngày 03/4/2003 mang tên hộ ông Phạm Văn M, cùng toàn bộ các tài sản trên thửa đất; địa chỉ thửa đất: thôn 3, xã PL, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Giá trị tài sản đảm bảo là 1.100.000.000 đồng. Tài sản đảm bảo được đăng ký tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

Tài sản trên được đảm bảo cho khoản tiền vay gốc là 800.000.000 đồng, còn khoản vay gốc 900.000.000 đồng được cho vay bằng hình thức tín chấp.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Agribank Tam Điệp đã thực hiện việc giải ngân cho ông M, bà H đúng và đầy đủ số tiền gốc là 1.700.000.000đ. Tuy nhiên ông M, bà H mới chỉ thực hiện được việc trả lãi trong hạn là 5.425.000 đồng. Còn việc trả gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký ông M bà H đã không thực hiện đúng. Khi số tiền vay đến hạn Agribank Tam Điệp rất nhiều lần đôn đốc gia đình ông M, tuy nhiên gia đình ông M đã không thực hiện đúng như đã cam K trong hợp đồng tín dụng.

Agribank Tam Điệp đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông Phạm Văn M và

bà Nguyễn Thị H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NGÂN HÀNG VN, chi nhánh TP. Tam Điệp, Ninh Bình số tiền vay nợ theo Hợp đồng tín dụng số 3304-LAV-201601667 ngày 08/12/2016 và các Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 07/12/2017 và số 02/PLHĐ ngày 15/12/2017. Tổng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20/9/2023 tổng số tiền là 2.806.398.611 đồng. Trong đó gốc là 1.700.000.000 đồng, lãi trong hạn là 823.983.333 đồng, lãi quá hạn là 288.740.278 đồng.

Trường hợp ông M và bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên, thì Agribank Tam Điệp có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Ông Phạm Văn M và những người liên quan tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh từ sau ngày xét xử sơ thẩm đối với khoản tiền nợ gốc phải trả cho đến khi thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng VN, chi nhánh TPTĐ, Ninh Bình theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký đến khi trả hết nợ gốc. Trường hợp ông Phạm Văn M và người liên quan không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ của một trong các kỳ trả nợ nêu trên, thì Ngân hàng VN, chi nhánh TPTĐ, Ninh Bình có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba.

Tại đơn đề nghị và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ông M thừa nhận có ký vay Ngân hàng số tiền là 800.000.000 đồng tiền gốc, ông M không thừa nhận ký vay số tiền 1.700.000.000 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện, ông M đề nghị cho thời gian thu xếp để trả dần.

Tại bản án sơ thẩm số 12/2023/DSST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình đã quyết định:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 145, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 117, 278, 299, 317, 318, 319, 322, 323, 324, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; Điều 33, Điều 35 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 91, Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng; Điều 81 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VN.

Buộc ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng VN toàn bộ số tiền nợ vay theo Hợp đồng tín dụng đã ký K. Cụ thể: Nợ gốc là 1.700.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm triệu đồng), nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử

sơ thẩm ngày 20/9/2023 là: 1.106.398.611 đồng, (trong đó: lãi trong hạn: 823.083.333 đồng, lãi quá hạn là: 288.740.278 đồng). Tổng nợ gốc và lãi là: 2.806.398.611 đồng.

Ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị H tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn phát sinh từ sau ngày xét xử sơ thẩm 20/9/2023 đối với khoản nợ tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3304-LAV-201601667 ngày 08/12/2016 và các Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 07/12/2017 và số 02/PLHĐ ngày 15/12/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trường hợp ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng VN có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp; Chi tiết các tài sản đảm bảo bao gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 2,430,0m² tại thửa số 130, tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã PL, huyện Nho Quan. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W542555 do Ủy ban nhân dân huyện Nho Quan cấp ngày 03/4/2003 mang tên hộ ông Phạm Văn M và các tài sản có trên đất (chi tiết theo biên bản thẩm định).

Trong trường hợp số tiền phát mại/Thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ để trả nợ cho Ngân hàng VN, thì ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng VN cho đến khi tất toán khoản vay.

Về án phí: Ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 88.127.972 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng VN số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0000279 ngày 25/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình là 43.395.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/9/2023, bị đơn ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 12/2023/DSST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, vì đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, việc thu thập chứng cứ và chứng minh không tuân thủ theo đúng quy định pháp luật. Cụ thể: ông M là người không biết chữ; Vợ chồng ông M bà H không vay tiền của

Ngân hàng. Ngày 22/8/2015 cháu Phạm Thị Th có viết giấy mượn (bìa đỏ) của vợ chồng ông M bà H để vay 800.000.000 đồng tại Ngân hàng và cam kết mượn bìa đến ngày 22/8/2017 sẽ hoàn trả bìa đỏ cho ông M bà H, sau đó nhiều lần đòi nhưng Th vẫn không trả, hồ sơ thể chấp là do Ngân hàng thông đồng với Th để lừa dối vợ chồng ông M bà H để ký hợp đồng vay tiền Ngân hàng, người vay Phạm Thị Th, khi nhận tiền Th là người nhận tiền, vợ chồng ông M bà H không nhận tiền và không sử dụng số tiền này. Ông M, bà H đề nghị Tòa cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 12/2023/DSST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông M bà H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo của mình, ngoài ra đề nghị Tòa án phải đưa vợ chồng Phạm Thị Th, Bùi Quý D (người viết giấy mượn bìa đỏ của vợ chồng ông M) và đưa ông B (công chứng viên) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: sau khi phân tích các tình tiết vụ án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội, xử: không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Về án phí dân sự phúc thẩm: vợ chồng ông M, bà H phải nộp án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào K quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị H được làm trong thời hạn luật định; hình thức, nội dung đơn kháng cáo, đúng theo

quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy đơn kháng cáo của bị đơn hợp lệ, nên được xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Về phạm vi xét xử phúc thẩm: bị đơn ông M bà H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Do đó, căn cứ vào Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm theo nội dung đơn kháng cáo của người kháng cáo.

[2]. Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

[2.1]. Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 08/12/2016 Ngân hàng VN - Chi nhánh TPTĐ, tỉnh Ninh Bình (Aribank Tam Điệp) và vợ chồng ông Phạm Văn M, bà Nguyễn Thị H ký Hợp đồng tín dụng số 3304-LAV-201601667 để vay số tiền là 1.700.000.000 đồng, trong đó cho vay có bảo đảm bằng tài sản là 800.000.000 đồng, cho vay không có tài sản bảo đảm là 900.000.000 đồng, hình thức bảo đảm tiền vay là thế chấp và tín chấp, mục đích vay là để mua máy ủi máy xúc, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 08/12/2016, lãi suất thỏa thuận 10,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông M, bà H có ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 3304 LCL201500976 ngày 09/12/2015 giữa Agribank Tam Điệp với ông M, bà H, hợp đồng được lập tại Văn phòng công chứng Yên Khánh thế chấp Quyền sử dụng đất diện tích 2,430m² tại thửa số 130, tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã PL, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 4 diện tích 50m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W542555 do UBND huyện Nho Quan cấp ngày 03/4/2003 mang tên hộ ông Phạm Văn M giá trị tài sản là 1.100.000.000 đồng.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giải ngân cho ông Phạm Văn M, bà Nguyễn Thị H số tiền 1.700.000.000 đồng được thể hiện bằng các Giấy lĩnh tiền vay, Giấy nhận nợ có chữ ký, chữ viết họ tên của ông Phạm Văn M ngày 08/12/2016 (BL 257, 258, 259, 260, 261, 262).

Ngày 07/12/2017 giữa Ngân hàng và ông M có ký phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ điều chỉnh thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 08/12/2017 đến ngày 08/12/2018. Ngày 15/12/2017 giữa Ngân hàng và ông M có ký phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ điều chỉnh lãi suất cho vay xuống 7%/năm đối với tất cả các khoản vay tại hợp đồng tín dụng ngày 08/12/2016 kể từ ngày 08/01/2017.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông M, bà H mới trả được 5.425.000 đồng tiền lãi cho Ngân hàng. Đến ngày 08/12/2018 là ngày hạn trả nợ cuối cùng nhưng ông M bà H vẫn chưa trả số tiền nợ gốc là 1.700.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn còn lại cho Ngân hàng, nên toàn bộ số tiền nợ gốc được Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc yêu cầu ông M, bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng ông M bà H vẫn cứ khất nợ không trả. Do vậy,

Ngân hàng yêu cầu ông M bà H phải thanh toán trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 1.700.000.000 đồng và tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.106.398.611 đồng.

[2.2]. Xét về nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

Ông M, bà H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm Hủy bản án sơ thẩm số 12/2023/DSST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình; vì cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, việc thu thập chứng cứ và chứng minh không tuân thủ theo đúng quy định pháp luật. Cụ thể: ông M là người không biết chữ; Vợ chồng ông M bà H không vay tiền của Ngân hàng. Ngày 22/8/2015 Phạm Thị Th (là cháu ông M) có viết giấy mượn bìa đất (GCNQSDĐ) của vợ chồng ông M bà H để vay 800.000.000 đồng tại Ngân hàng và cam kết mượn bìa đến ngày 22/8/2017 sẽ hoàn trả bìa đỏ cho ông M bà H, sau đó nhiều lần đòi nhưng Th vẫn không trả; hồ sơ thế chấp là do Ngân hàng thông đồng với Th để lừa dối vợ chồng ông M bà H để ký hợp đồng vay tiền Ngân hàng; người vay Phạm Thị Th, khi nhận tiền Th là người nhận tiền, vợ chồng ông M bà H không nhận tiền và không sử dụng số tiền này.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Tòa án phải đưa vợ chồng bà Phạm Thị Th, ông Bùi Quý D (người viết giấy mượn bìa đỏ của vợ chồng ông M) và đưa ông Lê Ngọc M, công chứng viên, Trưởng văn phòng công chứng YK vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Giấy ủy quyền số 01/GUQ ngày 09/12/2015 lập tại Văn phòng công chứng YK, bà H ủy quyền cho ông M thay mặt hộ gia đình làm người đại diện theo pháp luật cho hộ gia đình trong việc vay vốn, thế chấp, xử lý tài sản bảo đảm với Ngân hàng, thời hạn ủy quyền từ ngày 09/12/2015 đến ngày trả hết nợ gốc, nợ lãi và các loại phí có liên quan.

Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản số 3304-LCL201500976 ngày 09/12/2015 đã được ký kết giữa Ngân hàng với ông M, bà H, được lập tại văn phòng công chứng YK, thể hiện vợ chồng ông M bà H đồng ý thế chấp Quyền sử dụng đất diện tích 2,430m² (đất ở 400m², đất vườn 2030m²) và tài sản trên đất là ngôi nhà cấp 4, diện tích 50m² cùng công trình phụ trên đất, tại thửa số 130, tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã PL, huyện Nho Quan; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W542555 do UBND huyện Nho Quan cấp ngày 03/4/2003 mang tên chủ sử dụng đất ông Phạm Văn M để vay số tiền 800.000.000 đồng. Xét thấy, đây là thỏa thuận tự nguyện thể hiện ý chí của các bên, hợp đồng thế chấp đã được công chứng viên tại văn phòng công chứng Yên Khánh chứng nhận, các bên tự nguyện giao kết hợp đồng, các bên đã đọc, đồng ý và ký vào hợp đồng trước mặt công chứng viên, thời điểm công chứng các bên có đầy đủ năng lực hành vi

dân sự, phù hợp theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp bà H cũng có mặt và ký vào hợp đồng nhưng không có ý kiến gì về việc ông M ký vào hợp đồng. Như vậy, thời điểm các bên ký hợp đồng thế chấp nhà đất thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông M bà H, các bên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về hợp đồng thế chấp tài sản có công chứng nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật.

Tại giấy đề nghị vay vốn ngày 08/12/2016 của vợ chồng ông M bà H ký gửi Ngân hàng thể hiện vợ chồng ông M đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền là 1.700.000.000 đồng để mua máy ủi, máy xúc làm dịch vụ xúc ủi, gia đình ông M đồng ý nhất trí tiếp tục thế chấp tài sản đã được đăng ký thế chấp tại đơn yêu cầu đăng ký thế chấp, hợp đồng thế chấp số 3304-LCL-201500976 ký ngày 09/12/2015 làm đảm bảo cho các khoản tiền vay. Hợp đồng tín dụng ngày 08/12/2016 và các phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 07/12/2017 và số 02/PLHĐ ngày 15/12/2017, giấy đề nghị vay vốn ngày 08/12/2016 và 03 giấy lĩnh tiền vay kèm theo giấy nhận nợ ngày 08/12/2016, biên bản lấy lời khai ngày 30/8/2023 đều thể hiện ông M có ký và viết tên vào các văn bản giấy tờ của Ngân hàng, ông M có thừa nhận ký vay số tiền 800.000.000 đồng, sau đó ông M thừa nhận có ký nhưng không nhận tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm vợ chồng ông M, bà H đều khẳng định chữ ký trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp là của vợ chồng ông M bà H và ông M là người ký vào các giấy tờ nhận tiền, Ngân hàng khẳng định giao tiền trực tiếp cho ông M nhận. Điều này thể hiện có việc vợ chồng ông M vay tiền tại Ngân hàng, mọi thủ tục ký giấy nhận tiền tại Ngân hàng và được Ngân hàng giải ngân cho vay số tiền 1.700.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm ông M bà H có nộp bổ sung Đơn tố giác tội phạm bà Phạm Thị Th đề ngày 30/9/2023 gửi cơ quan CSĐT Công an tỉnh Ninh Bình (phòng PC03) đề nghị Công an xem xét trách nhiệm hình sự của bà Phạm Thị Th và xử lý theo quy định pháp luật, kèm theo là 01 giấy mượn bìa đỏ (GCNQSDĐ) đề ngày 22/8/2015 thể hiện việc vợ chồng bà Phạm Thị Th, ông Bùi Quý D có viết giấy mượn bìa đỏ số W542555 của vợ chồng ông M bà H để vay tiền Ngân hàng và cam kết xin ra hạn hẹn đến ngày 22/8/2017 vợ chồng bà Th sẽ hoàn trả bìa đỏ cho vợ chồng ông M bà H; 01 đơn của bà H đề ngày 11/12/2023 đề nghị Tòa án xác minh thu thập tài liệu chứng cứ tại cơ quan CSĐT Công an tỉnh Ninh Bình (phòng PC03) về việc Công an làm việc với bà Th và yêu cầu Tòa án triệu tập bà Phạm Thị Th vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp, không có tài liệu chứng cứ nào liên quan đến bà Th trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng do nguyên đơn khởi kiện, nên không phát sinh quyền

nghĩa vụ của bà Th. Việc bị đơn yêu cầu đưa bà Th vào tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ.

Từ những nhận định trên có đủ cơ sở khẳng định ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị H có ký kết hợp đồng tín dụng ngày 08/12/2016 với Ngân hàng Agribank Tam Điệp, tính đến ngày xét xử sơ thẩm ông M bà H còn nợ số tiền gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng ngày 08/12/2016, tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 2.806.398.611 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông M và bà H phải trả cho Ngân hàng VN toàn bộ số tiền nợ vay theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 08/12/2016. Cụ thể: Nợ gốc là 1.700.000.000 đồng (một tỷ, bảy trăm triệu đồng), nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/9/2023 là: 1.106.398.611 đồng, (trong đó: lãi trong hạn: (823.083.333 đồng - 5.425.000 đồng (đã trả)) = 817.658.333 đồng, lãi quá hạn là: 288.740.278 đồng). Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là: 2.806.398.611 đồng là hoàn toàn có căn cứ.

Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông M và bà H cho rằng ông M là người không biết chữ, ông M bà H không vay tiền Ngân hàng, không nhận tiền Ngân hàng, mà do chị Phạm Thị Th (là cháu ông M) là người vay đã cùng với Ngân hàng lừa dối vợ chồng ông M bà H khi ký hợp đồng vay tiền là không có căn cứ.

Mặt khác, tại Công văn số 02/CV-CSKT ngày 02/01/2024 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Ninh Bình (phòng PC03) cung cấp tài liệu, trả lời theo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, trong đó thể hiện nội dung ngày 04/10/2023 phòng PC03 nhận được “Đơn tố giác tội phạm” đề ngày 03/10/2023 của bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973, địa chỉ thôn 3 xã PL, huyện Nho Quan (gửi qua dịch vụ bưu chính) với nội dung tố giác tội phạm bà Phạm Thị Th, sinh năm 1980, địa chỉ: chợ R, xã PL, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình mượn bìa đất của gia đình bà H để thế chấp Ngân hàng Agribank Tam Điệp vay tiền, nhưng đến nay chây ỳ thách đố không trả. Tuy nhiên, trong quá trình bà H làm việc với Công an ngày 19/10/2023, bà H đã xin được rút đơn “Đơn tố giác tội phạm” đề ngày 03/10/2023 mà bà H đã gửi đến cơ quan Cảnh sát điều tra. Như vậy đơn tố giác tội phạm của bà H nộp cho Tòa án cấp phúc thẩm không thuộc trường hợp đang được cơ quan có thẩm quyền thụ lý, giải quyết.

[2.3]. Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông M, bà H không được chấp nhận, nên ông M bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

2. Về án phí phúc thẩm: ông M, bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông M, bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0000339 ngày 11/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

3. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 22 tháng 01 năm 2024.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- TAND huyện Nho Quan;
- Chi cục THADS huyện Nho Quan;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa Dân sự;
- Lưu phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Thị Sâm